TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 94/2019/HNGĐ - ST
Ngày 13 – 11 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Nguyễn Minh Dương.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy L – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/TB – TA ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 68/2019/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Ái N, sinh năm 1994; cư trú tại Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993; cư trú tại Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02 tháng 8 năm 2019 chị Lê Thị Ái N trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/6/2013 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không quan tâm thương yêu lẫn nhau, thường hay cự cãi. Hiện nay chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con chung tên: Phạm Quốc T, sinh năm 2011 và Phạm Quốc Q, sinh năm 2014 hiện nay cháu T đang sống cùng anh Đ, còn cháu Q đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con tên Phạm Quốc Q, sinh năm 2014 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 10 năm 2019 anh Phạm Văn Đ xác định về thời gian kết hôn là năm 2010, tuy nhiên đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng mặc dù có mâu thuẫn tuy nhiên anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn là nhỏ nhặt, không lớn. Anh còn thương vợ thương con nên muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau, anh cần thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung tên: Phạm Quốc T, sinh năm 2011 và Phạm Quốc Q, sinh năm 2014. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 chị Lê Thị Ái N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị xác định hiện nay Phạm Quốc T, sinh năm 2011 đang sống cùng anh Đ và cha mẹ anh Đệ, chị thống nhất giao con lại cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, các nội dung khác vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày.

Anh Phạm Văn Đ Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng của Tòa án cho anh Đ và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý, giải quyết là đúng thẩm

quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ái N đối với anh Phạm Văn Đ. Giao người con tên Phạm Quốc H hiện nay đang sống cùng chị N cho chị Nương tiếp tục nuôi dưỡng, giao người con tên Phạm Quốc T hiện nay đang sống cùng anh Đ cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ, chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lê Thị Ái N và bị đơn anh Phạm Văn Đ Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị Ái N có đơn đề nghị vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ, chị Lê Thị Ái N tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị Lê Thị Ái N và anh Nguyễn Văn Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị N và anh Đ đã sống ly thân với nhau.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 22 tháng 10 năm 2019 chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh Đ thực tế phát phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử chị N và anh Đ vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hôn nhân của chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ.

[4] Về con chung chị N và anh Đ có 02 người con chung tên: 02 người con chung tên: Phạm Quốc T, sinh năm 2011 và Phạm Quốc Q, sinh năm 2014 hiện nay Phạm Quốc H đang sống cùng chị N, chị N có yêu cầu tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phạm Quốc T hiện nay đang sống cùng anh Đ và cha mẹ anh Đ, chị N thống nhất sau khi ly hôn tiếp tục giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, đối với anh Đ có yêu cầu được nuôi hai người con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu T đang sống cùng anh Đ, cháu Q đang sống cùng chị N, mặt khác cháu T có nguyện vọng được sống cùng ông bà nội và anh Đệ và hiện nay anh Đ đang sống cùng cha mẹ anh Đ. Hiện nay hai cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặc, để không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu do đó cần tiếp tục giao cháu Q cho chị N nuôi dưỡng, cháu T cho anh Đ tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ, chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ, chị Lê Thị Ái N tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ái N đối với anh Phạm Văn Đ.

Giao người con tên Phạm Quốc H, sinh năm 2014 hiện nay đang sống cùng chị N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao người con tên Phạm Quốc T, sinh năm 2011 hiện nay đang sống cùng anh Đ cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ, chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005861 ngày 02/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND TT N, huyện N;tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Tỷ